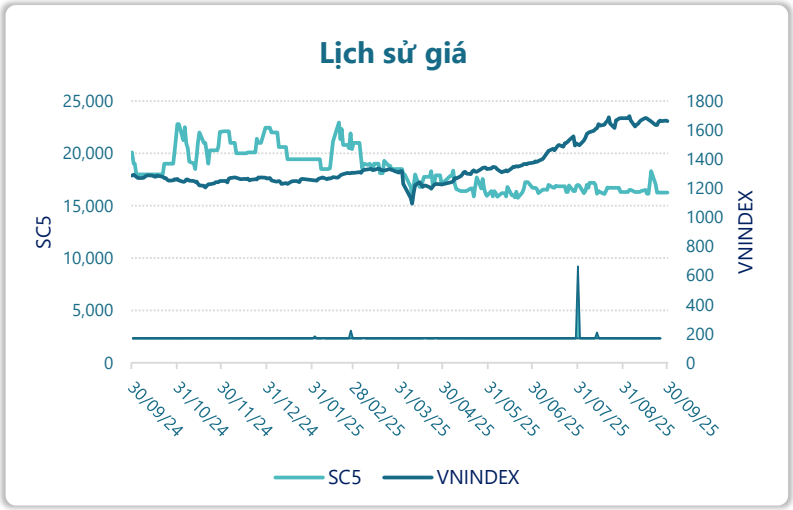
FireAnt

CTCP Xây dựng số 5 (HSX: SC5)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**16,250**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	22,950
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,750
SL cổ phiếu LH	14,983,499
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,495
% sở hữu nước ngoài	2.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	243
P/E	6.9
EPS	2,340

DT thuần

Q3/25

554

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 71.0| 14.7%

YoY: ▼20.0| -3.5%

LN sau thuế

Q3/25

5.82

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.18| -47.1%

YoY: ▼0.66| -10.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

4.2%

+/- YoY: ▲ 0.4%

DT thuần

9T 2025

1,505

tỷ VNĐ

YoY: ▼337| -18.3%

LN sau thuế

9T 2025

21.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼1.90| -8.4%

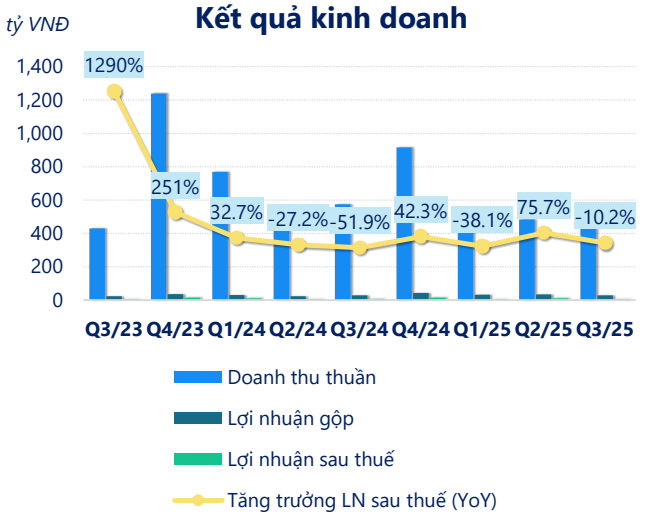
ROE

Q3/25

9.1%

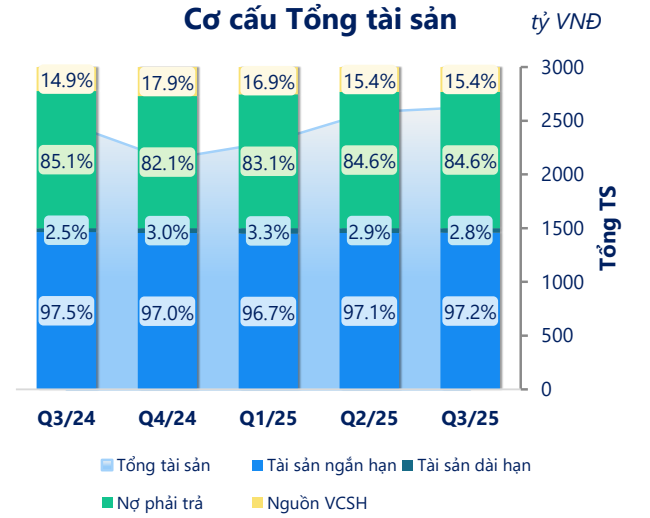
+/- YoY: ▼ 1.4%

Kết quả kinh doanh



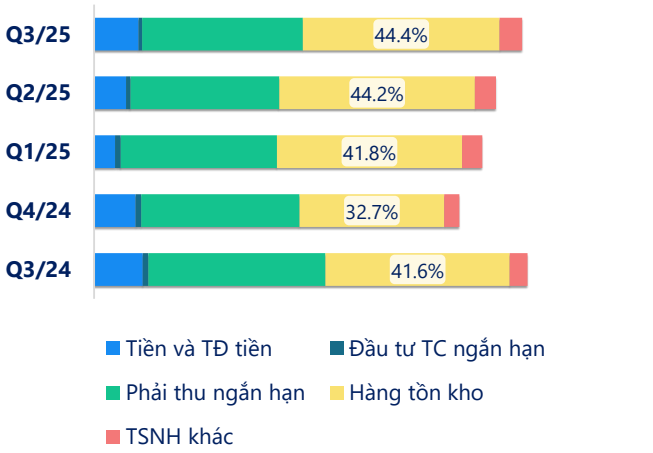
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



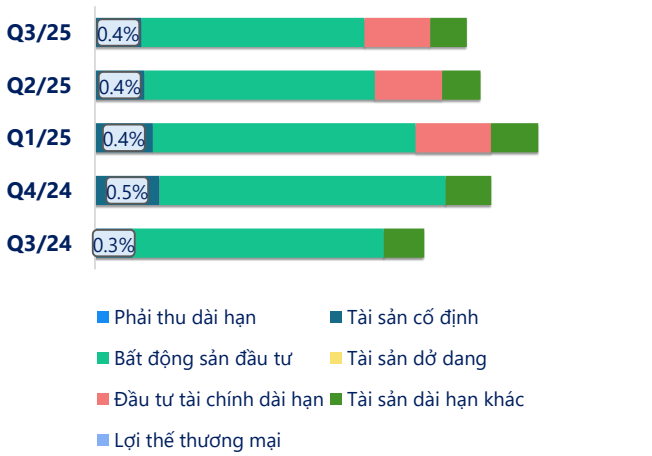
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



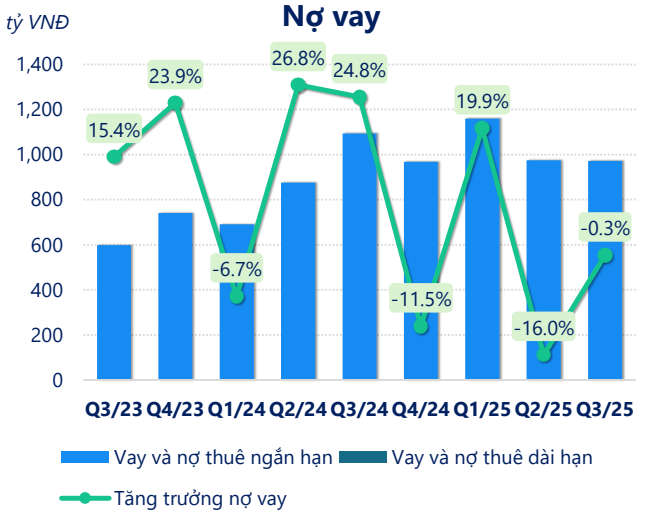
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



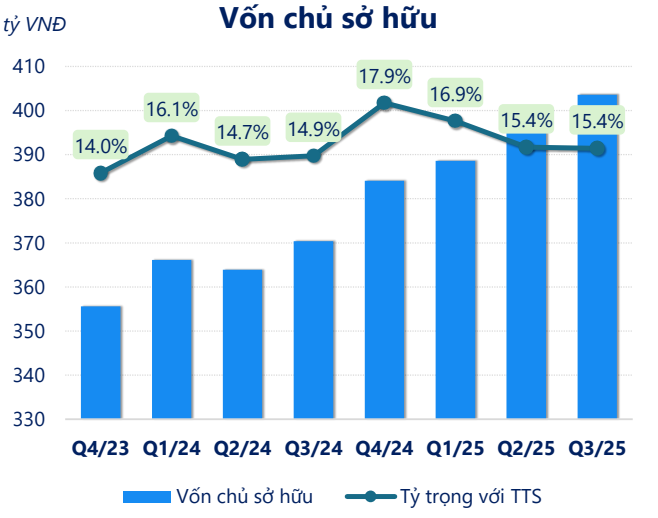
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



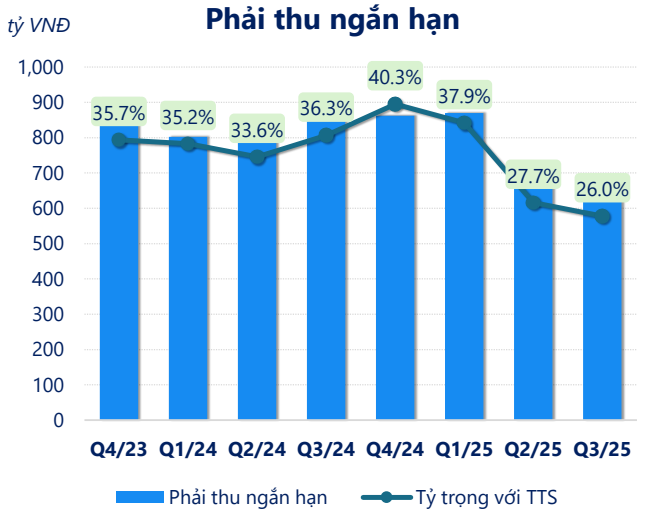
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



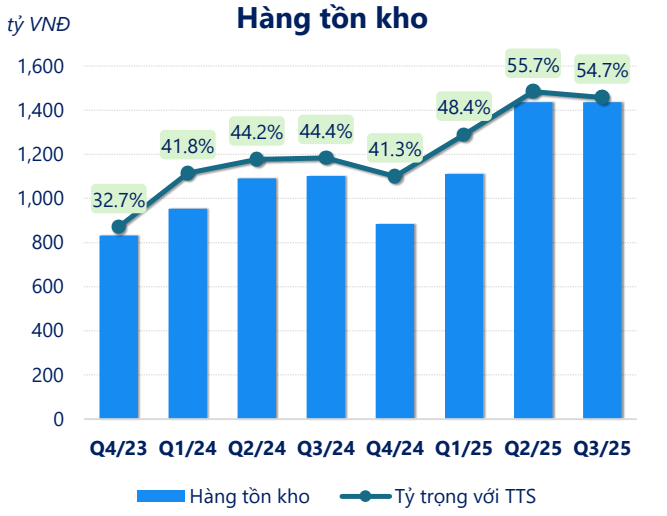
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



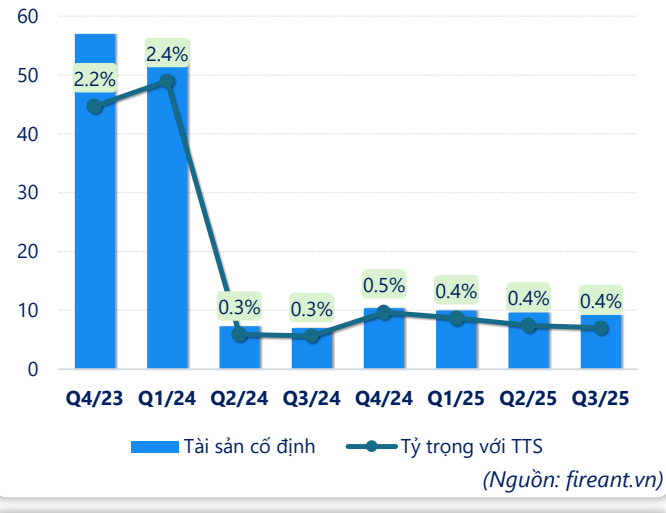
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



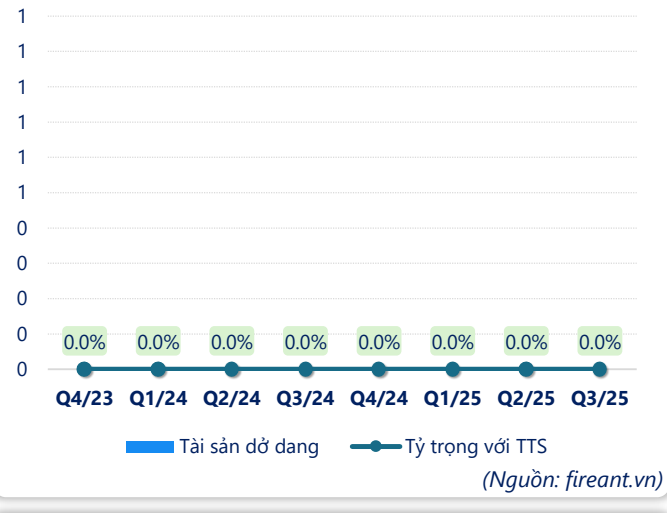
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



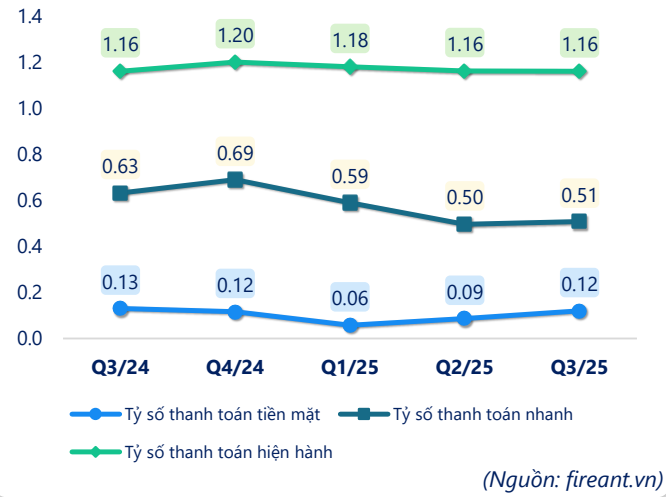
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



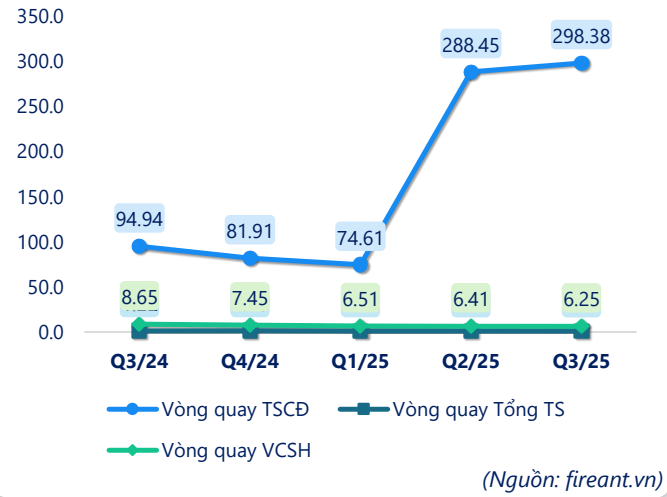
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**2,479**	**2,141**	**2,298**	**2,580**	**2,627**
Tài sản ngắn hạn	**2,418**	**2,078**	**2,221**	**2,505**	**2,554**
Tiền và tương đương tiền	271	201	108	186	263
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.3	20.3	7.31	7.31	7.31
Phải thu ngắn hạn	899	862	870	715	683
Hàng tồn kho	1,101	884	1,111	1,436	1,436
Tài sản ngắn hạn khác	126	110	124	161	164
Tài sản dài hạn	**61.4**	**63.8**	**76.6**	**74.8**	**73.5**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	7.00	10.4	9.99	9.60	9.22
Bất động sản đầu tư	46.8	46.1	45.4	44.7	44.0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	13.0	13.0	13.0
Tài sản dài hạn khác	7.55	7.31	8.16	7.46	7.26
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**2,109**	**1,757**	**1,909**	**2,182**	**2,224**
Nợ ngắn hạn	**2,081**	**1,729**	**1,881**	**2,153**	**2,198**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,093	967	1,160	974	972
Phải trả người bán ngắn hạn	371	489	447	542	462
Nợ dài hạn	28.1	28.3	28.4	28.6	25.4
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**370**	**384**	**389**	**398**	**404**
Vốn chủ sở hữu	**370**	**384**	**389**	**398**	**404**
Vốn điều lệ	150	150	150	150	150
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)